

GIỚI THIỆU LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHXH&NV

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ.

ĐỖ THỊ PHI HOÀI. *Tiếp tục đẩy mạnh quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam giai đoạn đến 2010.*

Chuyên ngành: Kinh tế quản lý và kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân

Mã số: 5.02.05

Cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta với mục tiêu là: đa dạng hoá sở hữu DNNN, huy động nguồn vốn trong nhân dân; đổi mới triệt để cơ chế quản lý tại doanh nghiệp; tạo điều kiện để người lao động làm chủ thực sự, gắn lợi ích cá nhân với lợi ích của doanh nghiệp. Chặng đường hơn 10 năm tiến hành thực hiện cổ phần hoá DNNN ở Việt Nam đến nay được đánh giá là có tốc độ quá chậm so với yêu cầu. Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề đẩy nhanh tốc độ cổ phần hoá trở thành yêu cầu hết sức bức thiết. Đây là lý do để tác giả chọn đề tài *Tiếp tục đẩy mạnh quá trình cổ phần hoá DNNN ở Việt Nam giai đoạn đến 2010* làm đề tài nghiên cứu của mình. Luận án không chỉ đánh giá lại toàn bộ quá trình cổ phần hoá DNNN ở Việt Nam sau hơn 10 năm thực hiện, phân tích những vướng mắc, khó khăn gặp phải, mà còn đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh quá trình này trong thời gian tới. Luận án giúp cho việc nhìn nhận một cách toàn diện, khách quan chặng đường hơn 10 năm cổ phần hoá DNNN, đi sâu luận giải các cơ sở khách quan, khoa học của vấn đề cổ phần

hóa và cổ phần hoá DNNN ở Việt Nam, góp phần hoàn thiện lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN, về quan hệ sở hữu và quan hệ lợi ích trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế,... Luận án dày 200 trang, gồm ba chương, phần Mở đầu và Kết luận.

Chương một (tr.4-57) đánh giá thực trạng quá trình cổ phần hoá DNNN ở Việt Nam từ năm 1992 đến nay và kinh nghiệm cổ phần hoá ở các nước trên thế giới. Cổ phần hoá DNNN ở Việt Nam đã trải qua hơn 10 năm thực hiện với hơn 1000 doanh nghiệp được cổ phần hoá. Quá trình cổ phần hoá được chia thành bốn giai đoạn với mức độ, phạm vi cổ phần hoá khác nhau. Cơ chế, chính sách và những biện pháp cụ thể cho từng giai đoạn cũng được điều chỉnh, sửa đổi, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình cụ thể. Đánh giá lại quá trình đã trải qua trong công tác cổ phần hoá DNNN, tác giả khẳng định những thành tựu nổi bật như: số lượng các DNNN được cổ phần hoá ngày càng nhiều, tốc độ về sau tăng nhanh hơn giai đoạn đầu, các doanh nghiệp sau khi cổ phần đã hoạt động hiệu quả hơn trước... Tuy nhiên, những hạn chế cần khắc phục cũng còn nhiều như: số lượng các DNNN cần cổ phần hoá chưa đạt chỉ tiêu đặt ra, có những giai đoạn việc cổ phần hoá lại bị chậm lại đáng kể (sau năm 2000), một số bộ, ngành, địa phương chưa chủ động thúc đẩy cổ phần hoá DNNN (tr.57).

Khi đánh giá về những thành công bước đầu cũng như những hạn chế của công tác cổ phần hoá DNNN, tác giả luận án đã phân tích một số nguyên nhân chủ

quan và khách quan đã tìm hãm công tác này trong thời gian qua. Các nguyên nhân chủ quan gồm: tư tưởng, quan điểm về cổ phần hoá chưa thông suốt, nhất quán; chậm ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp phục vụ cho công tác này; việc tổ chức thực hiện cổ phần hoá ở các cấp, ngành và địa phương chưa đồng bộ, nhất quán... Về các nguyên nhân khách quan được phân tích, trong đó có nguyên nhân do trình độ xã hội hoá ở Việt Nam là thấp, số lượng DNNN lại quá nhiều, dàn trải trên nhiều lĩnh vực, làm ăn kém hiệu quả trong thời gian dài, trình độ công nghệ, kỹ thuật lạc hậu cũng như dàn cán bộ đáp ứng nhu cầu cho tình hình sau khi cổ phần hoá thiếu hụt nghiêm trọng.

Tác giả cũng phân tích khái quát về cổ phần hoá - tư nhân hoá trên thế giới qua một số ví dụ điển hình ở Pháp, Mỹ, Đông Âu, các nước Mỹ Latin và vùng Caribê và Trung Quốc. Những bài học kinh nghiệm được đúc rút là:

-Nhìn nhận được tính cấp thiết của cổ phần hoá;

-Vận dụng kinh nghiệm quốc tế về cổ phần hoá và điều kiện cụ thể của Việt Nam;

-Thành lập cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm về quá trình thực hiện cổ phần hoá;

-Vừa làm vừa rút kinh nghiệm thực hiện cổ phần hoá;

-Tạo môi trường pháp lý cần thiết để thực hiện cổ phần hoá;

-Cần lập kế hoạch tài chính cho quá trình thực hiện cổ phần hoá.

Chương hai (tr.58-114) nêu ra những luận cứ khoa học cho việc đẩy mạnh cổ phần hoá DNNN ở Việt Nam giai đoạn đến 2010. Quá trình này được thúc đẩy

bởi yêu cầu của việc đổi mới toàn diện nền kinh tế đất nước, yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, yêu cầu của việc hội nhập kinh tế quốc tế và yêu cầu của việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN...

Theo tác giả, cổ phần hoá DNNN là một trong các giải pháp quan trọng của quá trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN, là sự lựa chọn tốt nhất của các DNNN trong quá trình vận động để trở nên vững mạnh hơn, có thể tham gia bình đẳng trên thị trường. Đây cũng là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan của sự phát triển kinh tế thị trường XHCN, yêu cầu của quá trình đổi mới toàn diện nền kinh tế đất nước. Cổ phần hoá DNNN sẽ tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động để các doanh nghiệp có thể hoạt động hiệu quả hơn, giúp các doanh nghiệp huy động được vốn của toàn xã hội và của những nguồn lực từ nước ngoài nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh. Cổ phần hoá cũng giúp cho doanh nghiệp phát huy được vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông và tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp.

Trong quá trình cổ phần hoá cần giữ vững định hướng XHCN, không coi cổ phần hoá là tư nhân hoá. Tác giả luận giải khá kỹ về vấn đề này, phân tích, so sánh cụ thể giữa cổ phần hoá và tư nhân hoá và kết luận rằng: “mặc dù có những nét tương tự nhưng giữa tư nhân hoá và cổ phần hoá khác nhau là căn bản và Việt Nam chọn hình thức cổ phần hoá DNNN là phù hợp” (tr.98).

Cổ phần hoá là giải pháp quan trọng nhất trong quá trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của DNNN, nó phải được đặt trong mối quan hệ với tổng thể

các giải pháp nhằm cấu trúc lại DNNN như giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, sáp nhập, giải thể, phá sản các doanh nghiệp. Cổ phần hoá sẽ tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả của DNNN xét cả ở góc độ lý luận, thực tiễn và chủ trương của Đảng.

Trong *chương ba* (tr.115-173), tác giả đề xuất và phân tích *các giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình cổ phần hoá DNNN ở Việt Nam dưới cả giác độ kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô*. Đây là những giải pháp được thực hiện bởi Nhà nước, Chính phủ và cả những giải pháp được thực hiện ở DNNN.

Thứ nhất, cần thực hiện việc phân loại DNNN và xây dựng lộ trình cổ phần hoá. Phân loại doanh nghiệp là việc làm cần thiết, từ đó chúng ta sẽ lựa chọn được hình thức chuyển đổi DNNN phù hợp, trong đó có hình thức cổ phần hoá. Từ sự phân loại đó, lộ trình cổ phần hoá DNNN được xây dựng nhằm bảo đảm cho tiến trình cổ phần hoá DNNN được thực hiện đúng tiến độ và kế hoạch đề ra. Trong lộ trình cổ phần hoá DNNN đến năm 2010, giai đoạn đến 2005 là để đẩy mạnh cổ phần hoá, đa dạng hoá sở hữu DNNN, thành lập các tập đoàn kinh tế mạnh, đủ điều kiện gia nhập AFTA; giai đoạn 2006-2010 sẽ tiếp tục cổ phần hoá một số doanh nghiệp là thành viên trong các tổng công ty và một số doanh nghiệp công ích.

Thứ hai, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện các chính sách được tác giả đánh giá là việc làm thiết thực để quá trình cổ phần hoá DNNN tiến hành thành công. Các chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và người lao động có vai trò then chốt trong việc thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp. Do vậy, theo tác giả, các chính sách phải bảo đảm sự kết hợp

lợi ích hài hoà giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động.

Thứ ba, các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp như: tài chính, tài sản, công nợ, đất đai, vốn tự tích lũy... cũng cần phải giải quyết triệt để. Có như vậy, chúng ta mới tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc trong quá trình cổ phần hoá DNNN. Một trong những biện pháp được đề cập là việc đấu giá cổ phần bằng phương pháp phù hợp giúp thúc đẩy nhanh tiến trình cổ phần hoá DNNN.

Bên cạnh đó, tác giả cũng đề cập tới *những giải pháp hỗ trợ sẽ giúp cho việc đẩy nhanh, mạnh tiến trình cổ phần hoá DNNN*. Theo tác giả, ngoài những biện pháp thúc đẩy cổ phần hoá thì những biện pháp hỗ trợ hậu cổ phần hoá sẽ có tác động kích thích các DNNN sau cổ phần hoá hoạt động hiệu quả hơn.

Trong phần Kết luận, tác giả tổng kết lại những phân tích và kết luận của mình. Theo tác giả, những giải pháp được đề cập tới trong luận án là cần thiết và mang tính khả thi vì chúng được rút ra từ kinh nghiệm thực tiễn có tính đến những yêu cầu, những yếu tố mới xuất hiện ở các giai đoạn tiếp theo. Một số trong các giải pháp được nêu lên cũng là những đòi hỏi cấp bách cần phải được tháo gỡ.

Luận án đã được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp quốc gia tại Viện Kinh tế học (nay là Viện Kinh tế Việt Nam thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam) trong năm 2003; được công bố rộng rãi năm 2004 và có thể tìm đọc tại Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội và Thư viện Quốc gia.

HOÀNG MINH

giới thiệu